

# MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ HỌC TỪ VỰNG TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

## SOME TEACHING METHODS TO IMPROVE THE EFFECTIVENESS OF LEARNING ENGLISH VOCABULARY OF STUDENTS AT HANOI UNIVERSITY OF PHYSICAL EDUCATION AND SPORTS

ThS. Phan Thị Phương, ThS. Đào Thị Ngân Huyền

Trường ĐH Sư phạm TDTT Hà Nội

**Tóm tắt:** Trong dạy và học tiếng Anh, từ vựng là một trong ba thành tố tạo thành hệ thống kiến thức ngôn ngữ. Từ vựng cũng có vai trò là phương tiện, điều kiện hình thành và phát triển kỹ năng giao tiếp. Bài viết này nêu nên sự cần thiết của việc học từ vựng cũng như đề xuất một số phương pháp dạy học nhằm nâng cao hiệu quả học từ vựng tiếng Anh của sinh viên trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội.

**Từ khóa:** Từ vựng, tiếng Anh, phương pháp dạy học.

**Abstract:** In teaching and learning English, vocabulary is one of the three components that make up the language knowledge system. Vocabulary also serves as a means, a condition for forming and developing communication skills. This article highlights the necessity of vocabulary learning as well as proposes a number of teaching methods to improve the effectiveness of learning English vocabulary of students at Hanoi University of Physical Education and Sports.

**Key words:** Vocabulary, English, teaching methods.

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

David A. Wilkins – một nhà ngôn ngữ học nổi tiếng người Anh – đã từng nói: “Không có ngữ pháp, rất ít thông tin có thể được truyền đạt. Nhưng không có từ vựng thì chẳng một thông tin nào có thể được truyền đạt cả”.

Nhận định trên cho thấy tầm quan trọng và thiết yếu của việc học từ vựng trong các ngôn ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng. Vậy “từ vựng” là gì? Đến nay, nhiều nhà ngôn ngữ học đã đưa ra các định nghĩa, khái niệm và cách hiểu khác nhau về từ vựng. Zimmerman đã trích dẫn trong Coady và Huckin (1998) “từ vựng là trọng tâm của ngôn ngữ và có tầm quan trọng đối với việc học ngôn ngữ điển hình”. Theo Diamond và Gutlohn thì “từ vựng là kiến thức về từ và nghĩa của từ”, còn Hornby (1995) định nghĩa về từ vựng là “tổng số từ trong một ngôn ngữ; một danh sách các từ có nghĩa của chúng”. Như vậy, từ vựng không được hiểu chỉ bao gồm một từ duy nhất như: ngủ, học, viết mà cũng có thể được tạo thành từ hai hoặc ba từ nhưng thể hiện một

nghĩa duy nhất, ví dụ: cô dâu, ngân hàng, bố mẹ chồng, ... Từ các định nghĩa trên, có thể hiểu từ vựng là tổng số từ cần thiết được sử dụng để truyền đạt ý tưởng và của người nói. Do vậy, việc học từ vựng rất quan trọng và việc có được vốn từ vựng rộng là một trong những thách thức lớn nhất trong việc học ngôn ngữ thứ hai, đặc biệt là môn tiếng Anh – một trong số các ngôn ngữ phổ biến nhất hiện nay.

Đối với sinh viên của trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao, việc học từ vựng tiếng Anh hết sức quan trọng vì các em có thể lĩnh hội được các nội dung của bài học và kiểm tra trên lớp nhằm đáp ứng mục tiêu môn học và đạt chuẩn đầu ra ở mức A2 theo quy định. Ngoài ra, các em còn có thể ứng dụng được ngôn ngữ này trong cuộc sống hằng ngày, đọc sách báo bằng tiếng Anh về chuyên ngành mà các em quan tâm và có thể tìm kiếm được một công việc tốt hơn sau khi tốt nghiệp.

### 2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

**2.1. Thực trạng và sự cần thiết nâng cao hiệu quả học từ vựng tiếng Anh cho sinh**

## viên Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội.

Đối với đa số sinh viên trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội, việc học tiếng Anh gặp không ít khó khăn và ảnh hưởng tới kết quả học tập cũng như ứng dụng ngôn ngữ này trong các ngữ cảnh của cuộc sống. Một trong số những nguyên nhân chính đó là các em thiếu vốn từ vựng cần thiết và điều này thể hiện rõ qua việc học tập và ứng dụng bốn kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết.

Đối với kỹ năng Nghe (Listening): Ở trình độ hiện tại của hầu hết các em sinh viên, việc có thể hiểu từ vựng thông qua ngữ cảnh hoặc suy ra từ các từ tương tự xuất hiện qua bài nghe gặp nhiều khó khăn. Trên thực tế, với các bài nghe trong giáo trình Solutions Pre-Intermediate khi học trên lớp, các em thường phải có sự gợi ý của giảng viên mới có thể hoàn thành được theo yêu cầu của đề bài; còn đối với các bài thi nghe cuối học kỳ, rất nhiều em bỏ qua phần bài nghe do thiếu vốn từ nên không nghe được. Như vậy, từ vựng không phải là yếu tố duy nhất nhưng chắc chắn là rất quan trọng đối với kỹ năng Nghe và sinh viên cần phải nâng cao ý thức học từ vựng về cả ngữ nghĩa, và cách phát âm của từ đó thì mới có thể học tốt kỹ năng này. Ngoài ra, khi có vốn từ vựng tốt, sinh viên có thể nghe và xem được các video tiếng Anh hướng dẫn thực hiện kỹ năng chuyên sâu từ các chuyên gia nước ngoài nhằm nâng cao chuyên môn hoặc theo dõi các cuộc thi thể thao quốc tế mà các em yêu thích.

Đối với kỹ năng Nói (Speaking): Trong giao tiếp, đặc biệt là trong các tiết học tiếng Anh trên lớp, vốn từ vựng hạn chế khiến sinh viên lúng túng trong việc diễn đạt ý kiến của mình khi giảng viên yêu cầu thảo luận theo cặp hoặc theo nhóm về các chủ đề liên quan đến nội dung bài học. Một số em không thể nói được, hoặc phải sử dụng ngôn ngữ cơ thể để diễn đạt cho điều mình muốn nói hoặc đôi khi phải nhờ sự hỗ trợ của giảng viên và các bạn. Khi tham gia thi kỹ năng Nói ở cuối các

học kỳ, sinh viên đã được chuẩn bị trước các chủ đề thi vấn đáp (topics) dựa trên nội dung của các bài học trong giáo trình. Tuy nhiên, khi sinh viên tham dự kỳ thi cuối kì, nhiều em không nhớ được từ vựng để diễn đạt ý nên kết quả bài thi vấn đáp không được cao. Vì lý do này, sinh viên cần chú trọng vào việc học từ vựng để có thể tự tin diễn đạt ý của mình một cách trôi chảy và đạt được điểm số cao trong các kỳ thi vấn đáp. Ngoài ra, khả năng giao tiếp tốt bằng tiếng Anh cũng giúp cho sinh viên có thể tìm được công việc tốt sau khi ra trường, đặc biệt là có cơ hội làm việc trong môi trường có yếu tố nước ngoài.

Đối với kỹ năng Đọc (Reading), khi học giáo trình tiếng Anh Solutions Pre-Intermediate dành cho sinh viên năm nhất hoặc cuốn Tiếng Anh chuyên ngành Thể thao dành cho sinh viên năm hai đang được giảng dạy tại trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội, việc vốn từ vựng kém có thể làm cho sinh viên khó nắm bắt được nội dung các bài học, đặc biệt là cuốn giáo trình tiếng Anh chuyên ngành vì có rất nhiều từ vựng thuộc thuật ngữ chuyên ngành thể thao và nội dung bài đọc khá dài. Tất nhiên, sinh viên có thể tra từ trong từ điển, nhưng việc tra từ quá nhiều sẽ gây tâm lý nhàm chán hoặc đoán nghĩa thông qua ngữ cảnh hoặc hình ảnh nhưng không sát với nội dung bài đọc. Do vậy, sinh viên phải chú trọng hơn vào việc học từ vựng để có thể phát huy điểm số tối đa ở kỹ năng này. Sở hữu vốn từ phong phú cũng sẽ giúp cho sinh viên có thể đọc được các tài liệu tham khảo như sách, báo, tạp chí chuyên ngành thể thao bằng tiếng Anh.

Đối với kỹ năng Viết (Writing), sinh viên thường khó đạt được điểm cao, đặc biệt với dạng bài viết thư hoặc viết đoạn văn theo chủ đề. Vốn từ vựng hạn chế khiến sinh viên không thể triển khai được hết các ý muốn diễn đạt, câu văn lủng củng, sai chính tả và dùng từ không phù hợp. Nếu vốn từ vựng được cải thiện, sinh viên có thể linh hoạt dùng các từ vựng một cách hiệu quả, thậm chí có khả năng

thay thế từ đã dùng rồi bằng các từ khác với nghĩa tương đương để bài viết được hay hơn và hiệu quả hơn.

## **2.2. Một số phương pháp dạy học nhằm nâng cao hiệu quả học từ vựng tiếng Anh của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội**

Đối với sinh viên trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội, việc thiếu nền tảng từ vựng phong phú khiến cho nhiều sinh viên chưa thực hiện được tốt các nhiệm vụ giảng viên giao trong quá trình học và kết quả học tập của sinh viên còn bị hạn chế. Có rất nhiều phương pháp giảng dạy khác nhau; tuy nhiên, trong bài viết này, tác giả nêu lên một số phương pháp dạy học nhằm nâng cao hiệu quả học từ vựng tiếng Anh cho sinh viên trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội, bao gồm phương pháp Ngữ pháp – Dịch (Grammar – Translation Method), Nghe – Nhìn (Audiolingual Method or Audio-Oral Method) và phương pháp Giao tiếp (Communicative Approach).

### **2.2.1. Phương pháp Ngữ pháp – Dịch**

Phương pháp Ngữ pháp – Dịch được áp dụng rộng khắp ở Việt Nam từ những năm 1970 và hiện nay vẫn là một trong những phương pháp dạy học phổ biến.

Mục đích chủ yếu của phương pháp này là cung cấp cho sinh viên từ vựng và ngữ pháp thông qua việc học thuộc lòng từ vựng và làm các bài tập ngữ pháp, dịch văn bản, đọc các tác phẩm văn học, viết luận và phân tích ngôn ngữ; người học nắm chắc quy tắc ngôn ngữ, phát triển mạnh về kỹ năng Đọc hiểu và Viết chứ không tập trung vào kỹ năng giao tiếp. Để đọc hiểu hoặc dịch nội dung các bài học, sinh viên được trang bị một lượng từ vựng và hệ thống ngữ pháp liên quan dưới dạng bảng liệt kê kèm theo nghĩa bằng tiếng Việt. Phương pháp này yêu cầu sinh viên học tất cả các từ mới để hiểu và dịch được nội dung của bài. Giảng viên có thể khuyến khích sinh viên sử dụng từ điển khi đọc với mục đích ghi nhớ được mặt chữ và nghĩa của từ. Trên lớp, giảng

viên đóng vai trò là trung tâm và việc dạy từ vựng chỉ tập trung vào nghĩa của từ.

Với phương pháp này, các bài khóa thường được biên soạn và chia thành từng đoạn ngắn, giáo viên cung cấp từ vựng, ngữ nghĩa và giải thích các cấu trúc ngữ pháp có xuất hiện trong bài, sau đó yêu cầu sinh viên phải dịch được bài khóa đó sang tiếng Việt. Tiếp theo, giảng viên sẽ cho sinh viên các bài tập có chứa các từ vựng đó để sinh viên có thể ghi nhớ và áp dụng trong các ngữ cảnh khác nhau.

Phương pháp này được sử dụng như là phương pháp chủ đạo trong việc dạy ngoại ngữ trong một thời gian khá dài và nó có những ưu điểm không thể phủ nhận như: sinh viên được rèn luyện rất kỹ về ngữ pháp và có thể tiếp thu được một lượng từ vựng khá lớn; sinh viên cũng có thể học thuộc lòng được các đoạn văn hoặc bài khóa mẫu và có thể đọc hiểu nhanh các văn bản nhờ vốn từ phong phú. Tuy nhiên, phương pháp này cũng tồn tại một số hạn chế như: sinh viên học một cách thụ động – chỉ ngồi nghe và ghi chép, không có cơ hội thực hành giao tiếp với giảng viên và bạn học, vốn từ có thể rất rộng nhưng khó diễn đạt được bằng lời nói cho nên kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh bị hạn chế.

### **2.2.2. Phương pháp Nghe – Nói**

Khác với phương pháp Ngữ pháp – Dịch, phương pháp Nghe – Nói đáp ứng phát triển cả 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết nhưng nhấn mạnh vào việc dạy kỹ năng Nghe – Nói trước kỹ năng Đọc – Viết. Với phương pháp này, các kiến thức ngôn ngữ như ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp được thực hiện lồng ghép trong quá trình dạy học. Phương pháp Nghe – Nói khuyến khích sinh viên sử dụng tiếng Anh giao tiếp ở mức tối đa và hạn chế dùng tiếng mẹ đẻ trong quá trình dạy học. Giảng viên yêu cầu sinh viên bắt chước mẫu do giảng viên cung cấp, ví dụ như các bài/ đoạn hội thoại mẫu có chứa cấu trúc câu hoặc hiện tượng ngôn ngữ xuất hiện trong bài. Sinh viên luyện tập theo mẫu đó, mục đích là hình thành thói quen sử dụng tiếng Anh theo các hình thức

như: hỏi và trả lời về bài đối thoại mẫu theo cặp hoặc theo nhóm. Sau khi sinh viên đã tương đối thành thạo hỏi và trả lời các câu hỏi dựa trên bài mẫu, giảng viên giao thêm một số bài tập cấu trúc dưới dạng thay thế, bổ sung, chuyển đổi,... để sinh viên có thể ôn lại và áp dụng với các tình huống tương tự.

Ưu điểm của phương pháp này là sinh viên có phản xạ giao tiếp tốt và có thể ứng dụng cả từ vựng và ngữ pháp trong giao tiếp thường ngày. Phương pháp này cũng nhấn mạnh tới phát âm chính xác từ với hy vọng sinh viên có thể phát âm và sử dụng ngữ điệu của tiếng Anh như người bản ngữ; việc dạy từ vựng trực tiếp không qua tiếng mẹ đẻ và chỉ chú trọng vào các tình huống giao tiếp cụ thể là cơ sở giúp sinh viên mở rộng nhanh vốn từ. Tuy nhiên, phương pháp này cũng tồn tại một số hạn chế như sau: việc kỳ vọng sinh viên áp dụng được tất cả những gì đã lĩnh hội trong lớp học vào thực tiễn giao tiếp ngôn ngữ là vô cùng khó. Sinh viên có thể không vận dụng các mẫu lời nói được luyện tập trên lớp một cách tự nhiên vì tuy sinh viên có khả năng nghe hiểu, nhớ và bắt chước ngay lập tức, song các em cũng rất nhanh quên và khó áp dụng khi gặp tình huống tương tự trong giao tiếp. Bản thân sinh viên có thể nhắc lại từ một cách máy móc nhưng nhiều khi lại không hiểu rõ nghĩa của từ và không có khả năng sử dụng từ trong những ngữ cảnh khác với điều đã được học; tức là nhiều em sẽ không diễn đạt được chính xác ý muốn nói sau một thời gian dài học tiếng Anh.

### **2.2.3. Phương pháp Giao tiếp**

Phương pháp Giao tiếp được xem như phương pháp dạy học ngoại ngữ phổ biến và hiệu quả nhất hiện nay, được ứng dụng rộng rãi trong các giáo trình, sách giáo khoa phổ thông tiếng Anh trên thế giới và ở Việt Nam. Mục đích cuối cùng của phương pháp này là khi học từ vựng, sinh viên không chỉ biết được cách đọc, cách viết và nghĩa của từ mà cần phải đạt được năng lực (khả năng) giao tiếp, phát triển được cả bốn kỹ năng ngôn ngữ: Nghe – Nói – Đọc – Viết và sử dụng được từ

vựng đó để giao tiếp. Để giao tiếp hiệu quả, giảng viên yêu cầu sinh viên sử dụng các từ vựng thích hợp với các tình huống, trong đó yêu cầu sinh viên phải thể hiện được ý định và khả năng giao tiếp thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ khác nhau. Giảng viên dạy lồng ghép từ vựng với ngữ pháp và ngữ âm, thông qua việc giao tiếp và luyện tập các kỹ năng giao tiếp dựa theo chủ đề. Thông qua các tình huống này, sinh viên sẽ phát triển được vốn từ vựng một cách tự nhiên, tăng được vốn từ, đồng thời có thể áp dụng được vốn từ đó vào mục đích giao tiếp và học tập một cách hiệu quả.

Phương pháp Giao tiếp có ưu điểm hơn hẳn các phương pháp khác là nó bao trùm mọi phương diện của quá trình dạy học ngoại ngữ, bao gồm cả các yếu tố về ngôn ngữ, văn hóa, xã hội, các yếu tố ngoài ngôn ngữ, rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giao tiếp hoàn chỉnh. Sinh viên sẽ có một lượng từ vựng phong phú, đồng thời có thể ứng dụng lượng từ vựng đó vào cả bốn kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết.

Ngoài việc áp dụng các phương pháp dạy học trên, giảng viên cũng có thể kết hợp với một số thủ thuật dạy từ vựng tiếng Anh như: xếp từ vựng theo chủ đề; liệt kê từ vựng theo mô hình cây; dạy từ vựng thông qua ghi âm hoặc viết đoạn văn; dạy từ vựng bằng flashcards hoặc trò chơi; thành lập sổ tay từ vựng,...

### **3. KẾT LUẬN**

Trên cơ sở thực trạng và sự cần thiết nâng cao hiệu quả việc học từ vựng tiếng Anh cho sinh viên trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội, bài báo đã đề cập tới ba phương pháp dạy học, bao gồm phương pháp Ngữ pháp – Dịch, phương pháp Nghe – Nói và phương pháp Giao tiếp. Sở hữu vốn từ vựng phong phú không chỉ giúp cho sinh viên có thể đạt được kết quả học tập cao, đáp ứng được chuẩn đầu ra theo yêu cầu mà còn giúp các em có thể ứng dụng và giao tiếp tốt bằng tiếng Anh, cập nhật thêm các kiến thức mới trong và ngoài sách vở, tiếp cận và đọc tài liệu và nghiên cứu về các môn thể thao chuyên ngành bằng tiếng Anh mà các em yêu thích.

### Tài liệu tham khảo

1. Đinh Thị Bé – Đào Thùy Chi (2019), *Phương pháp dạy học từ vựng tiếng Anh cho sinh viên trường Đại học Điện lực*, Số 461/ kì I năm 2019 – Tạp chí Giáo dục.
2. Allen, V.F. (2002). *Techniques in Teaching Vocabulary*. New York: Oxford University Press.
3. Anita Dewi Ekawati (2017). The Effect of TPR and Audio-Lingual Method in Teaching Vocabulary Viewed from Students' IQ. *Journal of ELT Research*, Vol. 2, No. 1, 2017, 55-65, DOI: 10.22236/JER\_Vol2Issue1.
4. Brown, C. - Payne, M. E. (1994). Five Essential Steps of Processes in Vocabulary Learning. Paper presented at the TESOL Convention, Baltimore, Md.
5. Diamond, L. - Gutlohn, L. (2006). *Vocabulary Handbook (Core Literacy Library) 1st Edition*. Brookes Publishing.
6. Schmitt N. (1997). *Vocabulary Learning Strategy*. Cambridge University Press. [9] Thornbury S. (2002). *How to Teach Vocabulary*.
7. Zimmerman, B. J. - Pons, M. M. (1986). Development of a structured interview for assessing student use of self-regulated learning strategies. *American Educational Research Journal*, Vol. 23(4), pp. 614-628.

Ngày nhận bài: 04/04/2022

Ngày đánh giá: 15/04/2022

Ngày duyệt đăng: 21/05/2022



Ảnh minh họa